

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-04
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	05-11
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13-14
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	15-55
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16-17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20-21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22-55

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (trước đây là Quỹ Đầu tư gia tăng giá trị GFM) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 382/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 25/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024 và Giấy đăng ký điều chỉnh gần nhất số 311/GCN-UBCK ngày 04 tháng 09 năm 2025. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis) thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 09 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009 thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 10 năm 2025. Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực, và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Nguyệt	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Bà: Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/06/2025)
Bà: Trần Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/07/2025)
Bà: Nguyễn Mai Hương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông: Bạch Nguyễn Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/06/2025)
Ông: Cù Bảo Thiêm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/07/2025)

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/06/2025)
Ông: Trịnh Mạnh Cường	Trưởng Bộ phận Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 01/07/2025)
Bà: Thiều Mai Hương	Giám đốc khối nghiệp vụ (Miễn nhiệm ngày 01/07/2025)
Ông: Lý Lâm Duy	Giám đốc đầu tư (Miễn nhiệm ngày 01/07/2025)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHDLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát số 1605/2024/HĐLKGS/BIDV.HTH-GFMVIF ngày 16 tháng 05 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ các yêu cầu của Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 về việc sửa đổi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Quỹ không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư số 68/2024/TT-BTC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Thị Nguyệt
Chủ tịch Ban đại diện
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP là mang tới lợi nhuận ổn định, hấp dẫn và bền vững cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào danh mục trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín, các chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 76,13% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ giảm 0,14% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 95/2025/GFM/CBTT ngày 21/07/2025 được Công ty Quản lý Quỹ công bố: Quỹ Đầu tư Gia tăng Giá trị GFM (GFM - VIF) đã chuyển đổi sang hình thức đầu tư trái phiếu với tên gọi mới là “Quỹ đầu tư trái phiếu LP” từ ngày 11/08/2025. Để đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì Quỹ đã thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư cổ phiếu và đầu tư vào các trái phiếu và các tài sản có thu nhập cố định theo đúng quy định về các loại tài sản được phép đầu tư tại Điều lệ Quỹ hiện tại.

Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các công cụ thị trường tiền tệ khác.

Quỹ ưu tiên phân bổ đầu tư vào trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao, là các tài sản có thanh khoản tốt nhằm tạo ra lợi nhuận vượt trội mức lãi suất gửi ngân hàng, đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho Nhà đầu tư.

Dựa trên đánh giá thị trường tiền tệ và thị trường trái phiếu, Công ty Quản lý Quỹ sẽ linh hoạt phân bổ tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu, các công cụ nợ khác và duy trì tiền mặt ở một tỷ lệ thích hợp để vừa tối ưu lợi nhuận cho Quỹ, vừa đảm bảo khả năng thanh toán của Quỹ.

Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà Pháp luật không cấm. Quỹ không bị giới hạn khi đầu tư vào các ngành nghề, linh hoạt lựa chọn các ngành nghề tiềm năng phụ thuộc vào xu hướng và tình hình cụ thể của thị trường, các kết quả phân tích và đánh giá của đội ngũ đầu tư.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP được thành lập ngày 25 tháng 03 năm 2024 theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 25/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024 và Giấy đăng ký điều chỉnh gần nhất số 311/GCN-UBCK ngày 04 tháng 09 năm 2025. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 101.366.797.500 VND, tương đương với 10.136.679,75 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 104.317.903.087 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50 tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	12,69%	0,20%
2. Cổ phiếu	-	99,67%
3. Trái phiếu	83,88%	-
4. Tài sản khác	3,43%	0,13%
	<u>100%</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Từ ngày 25/03/2024 đến ngày 31/12/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	104.317.903.087	59.227.048.786
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	10.136.679,75	5.746.968,68
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	10.291,13	10.305,79
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong năm	VND	10.783,46	10.618,25
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong năm	VND	8.551,48	9.334,80
Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	%	-0,14%	3,06%
- Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		-1,13%	0,41%
- Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		0,98%	2,65%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	2,79%	3,21%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	144,45%	268,60%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm đến thời điểm báo cáo	%	%
3 năm đến thời điểm báo cáo	-0,14%	-0,14%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	Không xác định 2,91%	Không xác định 1,63%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	-0,14%	3,06%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Việt Nam đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mang tính đột phá giai đoạn 2025-2030. Toàn bộ hệ thống chính trị, các cấp, các ngành tập trung thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là các dự án trọng điểm quốc gia, đồng thời kiên định giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Tính chung cả năm 2025, GDP Việt Nam tăng 8,02% so với năm trước, ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng và chỉ thấp hơn tốc độ của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Đóng góp chủ lực là khu vực công nghiệp và xây dựng, mở rộng 8,95%, nhờ vào hoạt động sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo vững chắc với mức tăng 9,97% - đạt đỉnh cao nhất trong giai đoạn 2019-2025 và sự bứt phá của ngành xây dựng với mức tăng ấn tượng 9,62%.

Năm 2025 được xác định là năm thực hiện cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy Chính phủ, sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng chính quyền địa phương, tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ những nỗ lực này, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cả năm ước đạt 850,7 nghìn tỷ đồng, ghi nhận mức tăng ấn tượng 26,6% so với năm trước, thể hiện vai trò dẫn dắt quan trọng trong đầu tư phát triển hạ tầng.

Chính sách tiền tệ được điều hành chủ động và linh hoạt với lãi suất điều hành tiếp tục duy trì ở mức thấp. Lãi suất cho vay bình quân bằng đồng Việt Nam đối với các khoản vay được kiểm soát ở mức 6,6%-8,9%/năm. Đặc biệt, dòng vốn tín dụng được tập trung cho các động lực tăng trưởng với lãi suất ưu đãi, trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn đối với lĩnh vực ưu tiên chỉ khoảng 3,9%/năm, thấp hơn mức trần 4,0%/năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3.2 Tình hình thị trường chứng khoán

Năm 2025 ghi nhận dấu ấn thành công của Ngân hàng Nhà nước trong nỗ lực duy trì lãi suất thấp và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hỗ trợ nền kinh tế. Tính đến tháng 12/2025, lãi suất huy động 12 tháng đạt 5,65%, đưa mặt bằng lãi suất huy động trung bình tăng lên và đang quay lại giai đoạn trung bình 2021-2022. Tính đến ngày 25/12/2025, dư nợ tín dụng nền kinh tế đạt 18,41 triệu tỷ đồng, tăng 17,65% so với cuối năm 2024.

Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp lấy lại niềm tin từ nhà đầu tư và quy lại chu kỳ tăng trưởng mới. Lũy kế năm 2025, tổng giá trị Trái phiếu doanh nghiệp phát hành đạt 649,3 nghìn tỷ đồng, tăng 35,5% so với cùng kỳ. Trong đó, phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ đạo với 91,4%, trong khi phát hành ra công chúng vẫn ở mức khiêm tốn, chiếm 8,6%. Lãi suất Trái phiếu doanh nghiệp bình quân gia quyền trong năm 2025 ước đạt khoảng 7,3%, nhích nhẹ so với mức 7,2% của năm 2024. Dư nợ Trái phiếu doanh nghiệp cuối 2025 tăng 7% so với thời điểm cuối 2024 lên 1,41 triệu tỷ đồng, tương đương 7,4% tổng dư nợ tín dụng của cả nền kinh tế. Quy mô thị trường Trái phiếu doanh nghiệp đã dần tăng trưởng sau đợt sụt giảm của năm 2022.

Lãi suất phát hành Trái phiếu doanh nghiệp bình quân trong quý 4/2025 tăng 0,66%/năm so với cùng kỳ 2024. Mức tăng của lãi suất toàn thị trường chủ yếu đến từ sự tăng lên của lãi suất phát hành nhóm bất động sản và ngân hàng.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

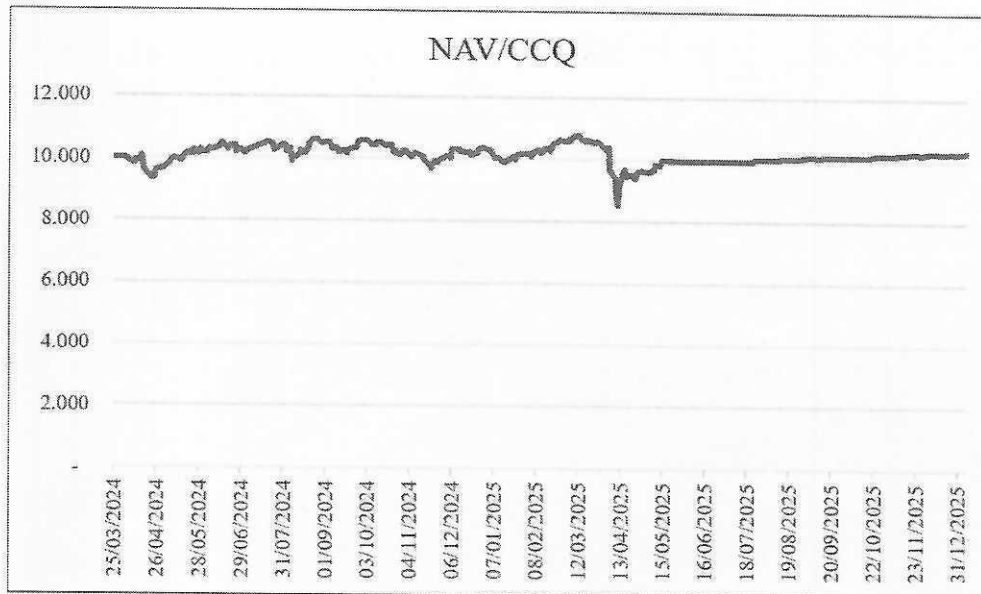
4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	0,99%	Không xác định	1,76%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	-1,13%	Không xác định	1,16%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	-0,14%	Không xác định	2,91%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	-0,14%	Không xác định	1,63%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ khi thành lập đến 31/12/2025 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	104.317.903.087	59.227.048.786	76,13%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	10.291,13	10.305,79	-0,14%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	401	49.030,91	0,48%
Từ 5.000 đến 10.000	1	5.000,00	0,05%
Từ trên 10.000 đến 50.000	-	-	0,00%
Từ trên 50.000 đến 500.000	-	-	0,00%
Trên 500.000	5	10.082.648,84	99,47%
	<u>407</u>	<u>10.136.679,75</u>	<u>100%</u>

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2026, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục mở rộng vai trò như một kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng của khu vực doanh nghiệp. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của thị trường sẽ gắn chặt với khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn tín dụng và yêu cầu minh bạch ngày càng cao, thay vì tăng trưởng theo quy mô thuần túy như các giai đoạn trước.

Nguồn cung Trái phiếu doanh nghiệp dự kiến gia tăng trong năm 2026, chủ yếu do điều kiện tín dụng ngân hàng thắt chặt hơn và mặt bằng lãi suất cho vay bởi ngân hàng đang có xu hướng tăng, qua đó thúc đẩy nhu cầu đa dạng hóa nguồn vốn của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Ở phía cầu, nhà đầu tư tổ chức sẽ là yếu tố hỗ trợ then chốt cho tính ổn định của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp trong trung hạn. Việc hình thành các mô hình quỹ đầu tư mới theo Quyết định 168 của Bộ Tài chính, mở rộng quy mô quỹ mở, cũng như việc áp dụng xếp hạng tín nhiệm vào quy trình phân bổ tài sản và quản trị rủi ro, sẽ giúp cải thiện khả năng hấp thụ của thị trường đối với các đợt phát hành có chất lượng tín dụng tốt.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Bà Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Mạnh Cường

Trưởng Bộ phận Đầu tư

Ban điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Bà Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Thành viên độc lập

Bà Nguyễn Thị Nguyệt có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật liên quan tới thị trường chứng khoán. Bà Nguyệt có nhiều năm kinh nghiệm trong phụ trách quản lý, điều phối và triển khai các hoạt động pháp lý trọng yếu, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Giám đốc tư vấn pháp chế, Chuyên gia Pháp chế lần lượt tại Công ty TNHH Chứng khoán ACB và Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

Bà Nguyệt tốt nghiệp Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh và có bằng Thạc sỹ Luật Kinh doanh do Học viện Khoa học Xã hội cấp.

Bà Vũ Thị Thúy Hằng

Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành viên độc lập

Bà Vũ Thúy Hằng có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và quản lý đầu tư. Bà từng công tác nhiều năm tại Công ty Chứng khoán CIMB Việt Nam, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, Quỹ đầu tư Phillip Capital Thái Lan, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, Công ty Cổ phần chứng khoán LPBank.

Bà Hằng tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM và có bằng MBA do Open University Malaysia cấp; CFA level 2 bởi CFA Institute. Bà hiện đã có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp bởi UBCKNN.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Bà Trần Lan Hương
Thành viên Ban Đại diện Quỹ
Thành viên độc lập

Bà Trần Lan Hương có hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán. Bà có nhiều năm kinh nghiệm công tác tại các vị trí Kế toán trưởng, Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần chứng khoán Âu Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank.

Bà Hương tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán-Kiểm toán và có bằng Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý, Chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng cấp bởi Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.



Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (“Quỹ LPBF” hoặc “Quỹ”, tên cũ là Quỹ đầu tư gia tăng giá trị GFM) cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ngày 04/09/2025, Quỹ LPBF được UBCK cấp Giấy chứng nhận điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 311/GCN - UBCK, thay đổi tên Quỹ từ Quỹ đầu tư gia tăng giá trị GFM thành Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP.

Với sự hiểu biết của chúng tôi, trong kỳ tài chính Quỹ LPBF đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan: Tại một số thời điểm, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:
 - Tại ngày định giá 22/04/2025, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản khác (quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC) của một tổ chức phát hành (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam) vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 18/11/2020.
 - Tại ngày định giá 04/09/2025, 05/09/2025, từ 12/09/2025 đến 24/09/2025, từ 26/09/2025 đến 30/09/2025, 02/10/2025, từ 08/10/2025 đến 09/10/2025, từ 01/12/2025 đến 02/12/2025 và 04/12/2025, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản khác (quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC) của một tổ chức phát hành (Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh) vượt quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm c khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 18/11/2020.
 - Tại ngày định giá 06/10/2025, tỷ lệ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định chưa đạt 80% giá trị tài sản ròng, chưa đáp ứng theo quy định tại khoản 14 điều 2 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hồng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP được lập ngày 25 tháng 02 năm 2026, từ trang 15 đến trang 55, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Đoàn Thị Thúy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0937-2023-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO THU NHẬP

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 25/03/2024
			đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		2.294.926.158	2.885.752.378
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	1.880.366.612	883.653.020
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	538.207.502	3.917.458
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	67.580.740	877.019.142
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	(191.228.696)	1.121.162.758
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		129.370.833	126.911.989
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	129.370.833	126.911.989
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.697.842.055	1.234.151.309
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		888.086.332	636.640.291
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		184.523.413	158.888.757
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	35.486.270
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		198.000.000	96.163.691
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		160.600.000	117.480.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		64.799.991	54.000.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	135.832.319	135.492.300
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		467.713.270	1.524.689.080
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		467.713.270	1.524.689.080
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		658.941.966	403.526.322
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		(191.228.696)	1.121.162.758
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		467.713.270	1.524.689.080

Đỗ Thị Phương Lan
Người lậpĐỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởngNguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốcCông ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	13.281.496.591	116.976.992
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		8.281.496.591	116.976.992
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		5.000.000.000	-
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	87.814.757.575	59.331.082.400
121	2.1 Các khoản đầu tư		87.814.757.575	59.331.082.400
121	2.1.1 Các khoản đầu tư cổ phiếu		-	59.331.082.400
121	2.1.2 Các khoản đầu tư trái phiếu		87.814.757.575	-
130	3. Các khoản phải thu	11	3.595.056.613	80.000.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.595.056.613	80.000.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		3.595.056.613	80.000.000
100	TỔNG TÀI SẢN		104.691.310.779	59.528.059.392
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		1.510.570	974.047
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	234.205	95.742
316	3. Chi phí phải trả	13	32.399.991	27.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14	1.045.963	954.963
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15	22.023	228.019
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	16	338.194.940	271.757.835
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		373.407.692	301.010.606
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	17	104.317.903.087	59.227.048.786
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		101.366.797.500	57.469.686.800
412	1.1 Vốn góp phát hành		191.383.002.000	96.252.132.500
413	1.2 Vốn góp mua lại		(90.016.204.500)	(38.782.445.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		958.703.237	232.672.906
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	1.992.402.350	1.524.689.080
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.291,13	10.305,79

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	22	10.136.679,75	5.746.968,68




Đỗ Thị Phương Lan
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

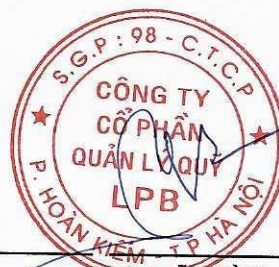
STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2025	Từ 25/03/2024
		đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	59.227.048.786	-
II.	Thay đổi NAV trong năm	467.713.270	1.524.689.080
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	467.713.270	1.524.689.080
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	44.623.141.031	57.702.359.706
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	95.789.353.359	97.845.462.373
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	51.166.212.328	40.143.102.667
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)	104.317.903.087	59.227.048.786



Đỗ Thị Phương Lan
Người lập



Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 31/12/2025		Tổng giá trị tài
			VND	VND	sản hiện tại
					của Quỹ
					%
I	Trái phiếu				
1	DSE125018	200.000	100.036,95	20.007.390.000	19,11%
2	HDB125012	184.000	104.593,24	19.245.156.160	18,38%
3	LPB125007	192.000	99.934,97	19.187.514.240	18,33%
4	SHB125017	96.000	99.957,36	9.595.906.560	9,17%
5	VIC124003	100.040	99.538,29	9.957.810.532	9,51%
6	VIC124005	97.359	100.873,88	9.820.980.083	9,38%
	Tổng	869.399		87.814.757.575	83,88%
II	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			3.591.042.914	3,43%
2	Dự thu lãi tiền gửi			4.013.699	0,004%
	Tổng			3.595.056.613	3,434%
III	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			8.281.496.591	7,91%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			5.000.000.000	4,78%
	Tổng			13.281.496.591	12,69%
IV	Tổng giá trị danh mục			104.691.310.779	100%

Đỗ Thị Phương Lan
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 25/03/2024
			đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		467.713.270	1.524.689.080
	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		196.628.687	(1.094.162.758)
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		191.228.696	(1.121.162.758)
04	- (+) Chi phí trích trước		5.399.991	27.000.000
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		664.341.957	430.526.322
20	- Tăng, giảm các khoản đầu tư		(28.674.903.871)	(58.209.919.642)
07	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(3.515.056.613)	(80.000.000)
13	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		536.523	974.047
14	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		138.463	95.742
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		91.000	954.963
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		(205.996)	228.019
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		66.437.105	271.757.835
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(31.458.621.432)	(57.585.382.714)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		95.789.353.359	97.845.462.373
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		51.166.212.328	40.143.102.667
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		44.623.141.031	57.702.359.706
40	III. TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM		13.164.519.599	116.976.992
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM		116.976.992	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		116.976.992	-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		116.052.992	-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		924.000	-

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LPB

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2025	Từ 25/03/2024
			đến 31/12/2025	đến 31/12/2024
			VND	VND
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		13.281.496.591	116.976.992
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		13.281.496.591	116.976.992
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		8.280.481.591	116.052.992
58	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng		5.000.000.000	-
59	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.015.000	924.000
60	CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		13.164.519.599	116.976.992



Đỗ Thị Phương Lan
Người lập biểu



Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP (trước đây là Quỹ Đầu tư gia tăng giá trị GFM) thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 382/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 11 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 25/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 03 năm 2024 và Giấy đăng ký điều chỉnh gần nhất số 311/GCN-UBCK ngày 04 tháng 09 năm 2025. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng là 50.166.065.900 VND, tương đương với 5.016.606,59 chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 101.366.797.500 VND, tương đương với 10.136.679,75 chứng chỉ quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis) thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 98/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 09 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009 thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 10 năm 2025. Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát số 1605/2024/HĐLKGS/BIDV.HTH-GFMVIF ngày 16 tháng 05 năm 2024.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 95/2025/GFM/CBTT ngày 21/07/2025 được Công ty Quản lý Quỹ công bố: Quỹ Đầu tư Gia tăng Giá trị GFM (GFM - VIF) đã chuyển đổi sang hình thức đầu tư trái phiếu với tên gọi mới là “Quỹ đầu tư trái phiếu LP” từ ngày 11/08/2025. Để đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì Quỹ đã thực hiện thoái vốn các khoản đầu tư cổ phiếu và đầu tư vào các trái phiếu và các tài sản có thu nhập cố định theo đúng quy định về các loại tài sản được phép đầu tư tại Điều lệ Quỹ hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP là mang tới lợi nhuận ổn định, hấp dẫn và bền vững cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào danh mục trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín, các chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định vào ngày định giá. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho Nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá đối với kỳ định giá ngày.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (“Ngày giao dịch”), ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ Bảy và/hoặc Chủ nhật. Trong trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc gần nhất sau đó, Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ hoặc bằng thư điện tử.

1.5 . Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm:

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; (*)
- b. Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật liên quan; (*)
- c. Công cụ nợ của chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, Chứng chỉ Quỹ đại chứng, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật Việt Nam;
- e. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; (**)
- f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (khi Ban điều hành quỹ đáp ứng điều kiện hành nghề chứng khoán phái sinh) và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

(*) Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

(**) Trường hợp Quỹ đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

1.6 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- Không được đầu tư vào quá 20% tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b của Thuyết minh số 1.5 nêu trên của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f của Thuyết minh số 1.5 nêu trên, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e của Thuyết minh số 1.5 nêu trên;
- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ, không vượt quá Giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu LP;
- Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - a) Không đầu tư vào quá 10% tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - c) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng của Quỹ trở lên.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư quy định trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu tư;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá 06 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Do hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Cổ phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền lãi các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Cổ phiếu		
3.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Được đánh giá theo giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Trái phiếu	
4.	Trái phiếu niêm yết

Giá được xác định là giá yết bình quân (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng có sự biến động lớn (*), giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá;
- Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá;
- Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định.

(*): *Giá thị trường có sự biến động lớn được hiểu là: Giá thị trường (giá sạch) tăng/giảm từ 1% trở lên so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất (giá sạch) hoặc giá sạch khi mua về nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.*

Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Giá được xác định là mệnh giá của trái phiếu cộng lãi lũy kế tính đến ngày trước ngày định giá; hoặc theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá chứng chỉ quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng Giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá, và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

- Trước ngày 11/08/2025:

Giá dịch vụ quản lý là 1,5% (một phẩy năm phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày trước định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,5% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trường hợp giảm Giá dịch vụ quản lý sẽ do Công ty Quản lý Quỹ xác định và phải được Ban đại diện quỹ thông qua. Giá dịch vụ Quản lý quỹ tối đa là 1,75% Giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

- Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư bất thường số 21/2025/NQ-ĐHNĐT ngày 21/07/2025 đã thông qua việc điều chỉnh mức Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 1,2% NAV/năm kể từ ngày 11/08/2025.

Giá dịch vụ quản lý là 1,2% (một phẩy hai phần trăm) một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày trước định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,2% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trường hợp giảm Giá dịch vụ quản lý sẽ do Công ty Quản lý Quỹ xác định và phải được Ban đại diện quỹ thông qua. Giá dịch vụ Quản lý quỹ tối đa là 1,2% Giá trị tài sản ròng của Quỹ/năm.

Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát

Giá Dịch vụ Ngân hàng Giám sát là 0,02%/năm trên Tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ Lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức phí trên chưa bao gồm VAT (nếu có).

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch bằng 0,03%* tổng giá trị giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ, 0,01%* tổng giá trị giao dịch trái phiếu và miễn phí đối với chứng khoán OTC.

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03% một năm trên Tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ duy trì Nhà đầu tư; giá dịch vụ thiết lập dữ liệu Nhà đầu tư; giá dịch vụ cung cấp thông tin. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 12.000.000 VND (Mười hai triệu đồng)/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) và có thể thay đổi theo thông báo của Đại lý chuyển nhượng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đàn, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này được xem là các bên liên quan với Quỹ.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Quỹ chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . CỔ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Cổ tức đã nhận bằng tiền	207.030.000	803.653.020
Cổ tức phải thu	-	80.000.000
Lãi trái phiếu	1.673.336.612	-
	<u>1.880.366.612</u>	<u>883.653.020</u>

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	538.207.502	3.917.458
	<u>538.207.502</u>	<u>3.917.458</u>

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoản trong năm
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	69.089.442.800	68.527.529.659	561.913.141
Trái phiếu niêm yết	10.194.236.695	10.688.569.096	(494.332.401)
	<u>79.283.679.495</u>	<u>79.216.098.755</u>	<u>67.580.740</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024		
	Tổng giá trị bán trong năm	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong năm
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	85.319.173.500	84.442.154.358	877.019.142
	85.319.173.500	84.442.154.358	877.019.142

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại năm nay (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	1.121.162.758	(1.121.162.758)
Trái phiếu niêm yết	86.884.823.513	87.814.757.575	929.934.062	-	929.934.062
	86.884.823.513	87.814.757.575	929.934.062	1.121.162.758	(191.228.696)

	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024				
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại năm nay (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại năm trước (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	58.209.919.642	59.331.082.400	1.121.162.758	-	1.121.162.758
	58.209.919.642	59.331.082.400	1.121.162.758	-	1.121.162.758

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Phí giao dịch cổ phiếu, trái phiếu	129.370.833	126.911.989
	129.370.833	126.911.989

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 VND	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024 VND
Thù lao trả cho Ban đại diện Quỹ	108.000.000	130.000.000
Phí quản lý thường niên	17.500.000	-
Phí ngân hàng	10.332.319	5.492.300
	135.832.319	135.492.300

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	8.280.481.591	116.052.992
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	1.015.000	924.000
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	5.000.000.000	-
	13.281.496.591	116.976.992

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn không quá 01 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 0,2% đến 4,75%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
	Chênh lệch đánh giá tăng	VND		Chênh lệch đánh giá giảm	VND	
Tại ngày 31/12/2025	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu niêm yết						
- DSE125018	19.997.732.877		20.007.390.000	9.657.123	-	20.007.390.000
- HDB125012	18.398.415.637		19.245.156.160	846.740.523	-	19.245.156.160
- LPB125007	19.191.717.698		19.187.514.240	-	(4.203.458)	19.187.514.240
- SHB125017	9.597.985.315		9.595.906.560	-	(2.078.755)	9.595.906.560
- VIC124003	9.965.643.882		9.957.810.532	-	(7.833.350)	9.957.810.532
- VIC124005	9.733.328.104		9.820.980.083	87.651.979	-	9.820.980.083
	86.884.823.513		87.814.757.575	944.049.625	(14.115.563)	87.814.757.575

Tại ngày 31/12/2024

	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
	Chênh lệch đánh giá tăng	VND		Chênh lệch đánh giá giảm	VND	
Cổ phiếu niêm yết						
- ACB			3.604.260.000	223.941.800	-	3.604.260.000
- BCM			1.538.530.000	62.967.802	-	1.538.530.000
- BID			1.426.299.200	-	(97.454.652)	1.426.299.200
- BVH			1.450.020.000	215.035.890	-	1.450.020.000
- CTD			2.081.610.000	52.520.000	-	2.081.610.000
- CTG			3.292.380.000	176.610.108	-	3.292.380.000
- FPT			1.494.500.000	327.767.563	-	1.494.500.000
- GAS			1.458.838.200	-	(214.112.845)	1.458.838.200
- GMD			3.994.543.200	-	(76.860.529)	3.994.543.200
- GVR			1.441.625.000	-	(148.029.041)	1.441.625.000
- HDB			1.882.410.000	259.889.774	-	1.882.410.000
- HPG			1.460.420.000	11.728.043	-	1.460.420.000
- MBB			3.649.540.000	163.559.404	-	3.649.540.000
- MSN			1.463.000.000	-	(123.770.548)	1.463.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá mua VND	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch đánh giá tăng VND	Chênh lệch đánh giá giảm VND	
- MWG	1.457.928.833	1.476.200.000	18.271.167	-	1.476.200.000
- PLX	1.630.717.268	1.410.000.000	-	(220.717.268)	1.410.000.000
- PNJ	4.003.402.688	4.053.060.000	49.657.312	-	4.053.060.000
- POW	1.577.528.000	1.444.800.000	-	(132.728.000)	1.444.800.000
- PTB	1.291.103.489	1.245.050.000	-	(46.053.489)	1.245.050.000
- REE	3.673.062.083	4.046.840.000	373.777.917	-	4.046.840.000
- SAB	1.449.321.714	1.437.450.000	-	(11.871.714)	1.437.450.000
- SHB	1.564.200.251	1.484.200.000	-	(80.000.251)	1.484.200.000
- SSB	1.429.991.815	1.468.975.000	38.983.185	-	1.468.975.000
- SSI	1.483.346.725	1.453.590.000	-	(29.756.725)	1.453.590.000
- STB	1.332.600.000	1.328.400.000	-	(4.200.000)	1.328.400.000
- TCB	2.003.665.000	2.065.670.000	62.005.000	-	2.065.670.000
- TCM	1.983.765.000	2.009.700.000	25.935.000	-	2.009.700.000
- TPB	1.906.421.677	2.088.576.000	182.154.323	-	2.088.576.000
- VIB	2.018.682.268	2.080.595.800	61.913.532	-	2.080.595.800
	58.209.919.642	59.331.082.400	2.306.717.820	(1.185.555.062)	59.331.082.400

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Dự thu cổ tức	-	80.000.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	3.591.042.914	-
Dự thu lãi tiền gửi	4.013.699	-
	<u>3.595.056.613</u>	<u>80.000.000</u>

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	234.205	95.742
	<u>234.205</u>	<u>95.742</u>

Quyết toán thuế của Quỹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	32.399.991	27.000.000
	<u>32.399.991</u>	<u>27.000.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.045.963	954.963
	<u>1.045.963</u>	<u>954.963</u>
Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.		

15 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	22.023	228.019
	<u>22.023</u>	<u>228.019</u>
Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán.		

16 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý quỹ	287.835.473	221.062.203
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	15.159.467	15.495.632
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	16.500.000	16.500.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	13.200.000	13.200.000
	<u>338.194.940</u>	<u>271.757.835</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

17 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>25/03/2024</u> VND	<u>Phát sinh trong năm</u> VND	<u>31/12/2024</u> VND
Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	9.625.213,25	9.625.213,25
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	-	10.165,54	10.165,54
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	96.252.132.500	96.252.132.500
Thặng dư vốn	-	1.593.329.873	1.593.329.873
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	-	97.845.462.373	97.845.462.373
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	-	3.878.244,57	3.878.244,57
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	-	10.350,84	10.350,84
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	38.782.445.700	38.782.445.700
Thặng dư vốn	-	1.360.656.967	1.360.656.967
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	-	40.143.102.667	40.143.102.667
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	-	5.746.968,68	5.746.968,68
Giá trị vốn góp hiện hành	-	57.702.359.706	57.702.359.706
Lợi nhuận chưa phân phối	-	1.524.689.080	1.524.689.080
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	-	59.227.048.786	59.227.048.786
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	-	10.305,79	10.305,79
	<u>31/12/2024</u> VND	<u>Phát sinh trong năm</u> VND	<u>31/12/2025</u> VND
Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	9.625.213,25	9.513.086,95	19.138.300,20
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.165,54	10.069,22	10.117,66
Giá trị ghi theo mệnh giá	96.252.132.500	95.130.869.500	191.383.002.000
Thặng dư vốn	1.593.329.873	658.483.859	2.251.813.732
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	97.845.462.373	95.789.353.359	193.634.815.732
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	3.878.244,57	5.123.376	9.001.620,45
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.350,84	9.986,82	10.143,65
Giá trị ghi theo mệnh giá	38.782.445.700	51.233.758.800	90.016.204.500
Thặng dư vốn	1.360.656.967	(67.546.472)	1.293.110.495
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	40.143.102.667	51.166.212.328	91.309.314.995
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	5.746.968,68	4.389.711,07	10.136.679,75
Giá trị vốn góp hiện hành	57.702.359.706	44.623.141.031	102.325.500.737
Lợi nhuận chưa phân phối	1.524.689.080	467.713.270	1.992.402.350
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	59.227.048.786	104.317.903.087	104.317.903.087
Giá trị tài sản ròng trên 1 chứng chỉ quỹ	10.305,79	10.291,13	10.291,13

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

18 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	1.062.468.288	403.526.322
Lợi nhuận chưa thực hiện	929.934.062	1.121.162.758
	1.992.402.350	1.524.689.080

19 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,79%	3,21%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	144,45%	268,60%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động x 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ;
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm)/2 x 100 (%) Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu niêm yết của những doanh nghiệp lớn tại Việt Nam và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

21 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng từ khi thành lập đến ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	25/03/2024	0	5.016.606,59	10.000	
2	01/04/2024	50.150.752.914	5.016.606,59	9.997	(3)
3	04/04/2024	49.976.305.831	5.016.606,59	9.962	(35)
4	05/04/2024	49.786.815.837	5.018.830,43	9.920	(42)
5	08/04/2024	49.399.040.444	5.018.671,68	9.843	(77)
6	09/04/2024	49.257.178.629	5.017.181,78	9.818	(25)
7	10/04/2024	49.735.436.124	5.016.956,69	9.913	95
8	11/04/2024	49.677.028.466	5.014.987,93	9.906	(7)
9	12/04/2024	49.696.240.910	5.015.493,59	9.909	3
10	15/04/2024	50.557.267.012	5.015.518,71	10.080	171
11	16/04/2024	48.343.581.486	5.015.786,55	9.638	(442)
12	17/04/2024	48.273.280.404	5.015.484,40	9.625	(13)
13	19/04/2024	47.632.287.123	5.016.207,51	9.496	(129)
14	22/04/2024	46.890.155.157	5.017.778,31	9.345	(151)
15	23/04/2024	47.394.948.115	5.019.118,20	9.443	98
16	24/04/2024	46.956.952.702	5.018.939,90	9.356	(87)
17	25/04/2024	48.295.832.119	5.018.942,11	9.623	267
18	26/04/2024	48.235.959.645	5.018.954,50	9.611	(12)
19	01/05/2024	48.546.390.442	5.019.576,08	9.671	60
20	02/05/2024	48.543.180.049	5.019.576,08	9.671	-
21	03/05/2024	49.091.718.476	5.019.576,08	9.780	109
22	06/05/2024	49.327.465.411	5.019.720,87	9.827	47
23	07/05/2024	49.734.529.113	5.019.777,14	9.908	81
24	08/05/2024	50.114.816.257	5.019.687,40	9.984	76
25	09/05/2024	50.233.337.158	5.019.807,59	10.007	23
26	10/05/2024	50.081.278.126	5.019.885,52	9.977	(30)
27	13/05/2024	50.021.233.006	5.019.899,54	9.965	(12)
28	14/05/2024	49.829.894.499	5.020.083,98	9.926	(39)
29	15/05/2024	49.903.410.619	5.018.527,67	9.944	18
30	16/05/2024	50.229.789.031	5.018.351,39	10.009	65
31	17/05/2024	50.866.517.320	5.018.411,33	10.136	127
32	20/05/2024	50.918.615.412	5.019.060,55	10.145	9
33	21/05/2024	50.922.421.262	5.020.085,67	10.144	(1)
34	22/05/2024	51.122.595.702	5.019.560,63	10.185	41

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
 và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		
35	23/05/2024	50.894.502.771	5.020.654,40	10.137	
36	24/05/2024	51.509.167.625	5.020.722,95	10.259	(48)
37	27/05/2024	50.828.608.750	5.018.722,95	10.128	122
38	28/05/2024	51.054.044.362	5.018.907,02	10.172	(131)
39	29/05/2024	51.618.648.907	5.018.828,62	10.285	44
40	30/05/2024	51.118.809.724	5.018.924,84	10.185	113
41	31/05/2024	51.161.777.137	5.019.219,38	10.193	(100)
42	01/06/2024	51.205.991.613	5.019.339,06	10.202	8
43	03/06/2024	51.199.278.327	5.019.339,06	10.200	9
44	04/06/2024	51.730.899.598	5.019.339,06	10.306	(2)
45	05/06/2024	51.791.711.718	5.019.415,70	10.318	106
46	06/06/2024	51.649.244.550	5.019.466,08	10.290	12
47	07/06/2024	51.521.082.856	5.017.853,34	10.268	(28)
48	10/06/2024	51.691.741.505	5.017.851,95	10.302	(22)
49	11/06/2024	51.879.585.292	5.020.962,15	10.333	34
50	12/06/2024	51.862.053.343	5.021.017,27	10.329	31
51	13/06/2024	52.563.089.800	5.021.010,87	10.469	(4)
52	14/06/2024	52.697.859.816	5.021.931,70	10.494	140
53	17/06/2024	51.958.327.785	5.022.219,01	10.346	25
54	18/06/2024	53.631.892.657	5.218.845,66	10.277	(148)
55	19/06/2024	53.839.181.489	5.219.047,54	10.316	(69)
56	20/06/2024	51.626.918.473	4.986.733,74	10.353	39
57	21/06/2024	51.884.364.838	4.986.730,53	10.404	37
58	24/06/2024	51.787.612.142	4.986.932,36	10.385	51
59	25/06/2024	51.034.340.788	4.986.980,50	10.234	(19)
60	26/06/2024	51.075.848.625	4.987.043,09	10.242	(151)
61	27/06/2024	51.232.418.634	4.987.057,73	10.273	8
62	28/06/2024	51.176.192.116	4.981.067,46	10.274	31
63	01/07/2024	50.677.698.156	4.980.967,46	10.174	1
64	02/07/2024	50.838.552.674	4.981.024,41	10.206	(100)
65	03/07/2024	51.063.339.712	4.976.008,03	10.262	32
66	16/07/2024	52.051.804.063	4.976.017,77	10.461	56
67	19/07/2024	52.313.167.232	4.976.017,77	10.513	199
68	22/07/2024	52.117.549.455	4.976.025,37	10.474	52
69	23/07/2024	51.710.155.305	4.976.786,99	10.390	(39)
70	24/07/2024	51.790.218.100	5.050.377,43	10.255	(84)
71	25/07/2024	52.133.025.612	5.050.422,94	10.323	(135)
72	26/07/2024	52.043.128.348	5.050.520,76	10.305	68
73	29/07/2024	52.478.015.568	5.050.466,68	10.391	(18)
74	30/07/2024	52.678.352.765	5.050.534,42	10.430	86
75	31/07/2024	52.554.998.448	5.045.022,59	10.417	39
76	01/08/2024	52.516.949.327	5.045.101,29	10.409	(13)
77	02/08/2024	51.492.151.641	5.045.125,49	10.206	(8)
78	05/08/2024	52.006.958.963	5.045.336,88	10.308	(203)
					102

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
79	06/08/2024	56.842.920.857	5.724.302,12	9.930	(378)
80	07/08/2024	57.736.992.184	5.724.021,95	10.087	157
81	08/08/2024	57.662.141.387	5.724.527,49	10.073	(14)
82	09/08/2024	57.414.505.798	5.724.984,44	10.029	(44)
83	12/08/2024	58.078.919.476	5.725.587,14	10.144	115
84	13/08/2024	58.610.975.022	5.726.743,43	10.235	91
85	14/08/2024	58.393.800.205	5.730.292,94	10.190	(45)
86	15/08/2024	58.475.585.352	5.729.533,95	10.206	16
87	16/08/2024	58.101.214.164	5.727.123,12	10.145	(61)
88	19/08/2024	59.331.316.754	5.727.792,25	10.358	213
89	20/08/2024	60.017.147.996	5.727.922,47	10.478	120
90	21/08/2024	60.393.675.743	5.728.972,05	10.542	64
91	22/08/2024	60.815.528.177	5.729.426,47	10.615	73
92	23/08/2024	60.721.734.748	5.730.178,55	10.597	(18)
93	26/08/2024	60.853.465.212	5.731.025,39	10.618	21
94	27/08/2024	60.276.450.878	5.732.873,33	10.514	(104)
95	28/08/2024	60.162.545.215	5.734.199,71	10.492	(22)
96	29/08/2024	60.182.191.677	5.734.230,08	10.495	3
97	30/08/2024	60.230.810.234	5.734.330,62	10.504	9
98	01/09/2024	60.327.091.778	5.734.357,15	10.520	16
99	04/09/2024	60.312.532.460	5.734.357,15	10.518	(2)
100	05/09/2024	59.681.115.725	5.734.389,46	10.408	(110)
101	06/09/2024	59.135.462.360	5.734.512,88	10.312	(96)
102	09/09/2024	59.280.225.585	5.734.930,57	10.337	25
103	10/09/2024	59.038.912.510	5.735.062,61	10.294	(43)
104	11/09/2024	58.611.428.016	5.735.396,91	10.219	(75)
105	12/09/2024	58.544.519.516	5.736.015,97	10.206	(13)
106	13/09/2024	58.764.122.690	5.735.967,86	10.245	39
107	16/09/2024	58.733.212.574	5.736.345,59	10.239	(6)
108	17/09/2024	58.323.181.906	5.737.387,77	10.165	(74)
109	18/09/2024	58.860.004.264	5.737.830,03	10.258	93
110	19/09/2024	59.079.732.278	5.737.942,36	10.296	38
111	20/09/2024	59.178.127.915	5.738.111,02	10.313	17
112	23/09/2024	59.414.731.601	5.738.319,12	10.354	41
113	24/09/2024	59.340.516.395	5.739.582,48	10.339	(15)
114	25/09/2024	59.748.394.579	5.739.809,53	10.409	70
115	26/09/2024	60.327.816.112	5.739.968,98	10.510	101
116	27/09/2024	60.782.023.107	5.739.984,21	10.589	79
117	30/09/2024	60.666.549.364	5.737.472,47	10.574	(15)
118	01/10/2024	60.662.374.802	5.737.602,00	10.573	(1)
119	02/10/2024	60.735.377.552	5.737.795,89	10.585	12
120	03/10/2024	60.648.056.275	5.738.407,18	10.569	(16)
121	04/10/2024	60.396.565.139	5.738.482,85	10.525	(44)
122	07/10/2024	59.900.533.503	5.738.266,31	10.439	(86)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ		
123	08/10/2024	59.903.785.563	5.738.324,72	10.439	-
124	09/10/2024	59.767.474.160	5.737.291,84	10.417	(22)
125	10/10/2024	60.167.863.757	5.737.250,60	10.487	70
126	11/10/2024	60.335.528.922	5.737.461,59	10.516	29
127	14/10/2024	60.263.399.783	5.737.496,56	10.503	(13)
128	15/10/2024	60.070.703.890	5.737.572,62	10.470	(33)
129	16/10/2024	59.817.131.015	5.738.008,68	10.425	(45)
130	17/10/2024	59.592.018.404	5.738.095,65	10.385	(40)
131	18/10/2024	59.910.078.398	5.737.329,37	10.442	57
132	21/10/2024	59.750.047.091	5.737.366,54	10.414	(28)
133	22/10/2024	59.131.648.098	5.737.588,14	10.306	(108)
134	23/10/2024	58.594.763.475	5.737.762,05	10.212	(94)
135	24/10/2024	58.795.623.753	5.738.016,01	10.247	35
136	25/10/2024	58.289.985.468	5.738.034,33	10.159	(88)
137	28/10/2024	58.040.084.511	5.738.158,15	10.115	(44)
138	29/10/2024	58.268.441.860	5.738.164,75	10.155	40
139	30/10/2024	58.806.133.945	5.739.404,85	10.246	91
140	31/10/2024	58.727.810.034	5.739.077,29	10.233	(13)
141	01/11/2024	58.806.700.405	5.739.235,83	10.246	13
142	04/11/2024	58.144.014.096	5.739.312,89	10.131	(115)
143	05/11/2024	57.736.716.965	5.739.398,54	10.060	(71)
144	06/11/2024	57.759.347.078	5.739.658,71	10.063	3
145	07/11/2024	58.565.140.529	5.741.722,90	10.200	137
146	08/11/2024	58.459.548.253	5.741.649,85	10.182	(18)
147	11/11/2024	58.218.922.375	5.741.705,03	10.140	(42)
148	12/11/2024	58.086.948.323	5.741.630,66	10.117	(23)
149	13/11/2024	57.995.616.816	5.741.781,21	10.101	(16)
150	14/11/2024	57.937.584.733	5.740.856,54	10.092	(9)
151	15/11/2024	57.194.198.650	5.741.445,02	9.962	(130)
152	18/11/2024	56.482.108.044	5.741.513,25	9.837	(125)
153	19/11/2024	56.259.567.942	5.741.689,21	9.798	(39)
154	20/11/2024	55.727.234.467	5.741.829,94	9.705	(93)
155	21/11/2024	56.319.719.512	5.742.099,86	9.808	103
156	22/11/2024	56.951.174.243	5.743.388,45	9.916	108
157	25/11/2024	56.865.329.853	5.743.541,77	9.901	(15)
158	26/11/2024	57.182.227.714	5.743.896,28	9.955	54
159	27/11/2024	57.499.375.402	5.742.063,37	10.014	59
160	28/11/2024	57.527.529.085	5.744.633,22	10.014	-
161	29/11/2024	57.600.791.661	5.744.662,95	10.027	13
162	01/12/2024	58.063.554.022	5.745.738,02	10.105	78
163	02/12/2024	58.058.863.697	5.745.738,02	10.105	-
164	03/12/2024	58.061.281.240	5.745.749,77	10.105	-
165	04/12/2024	58.121.798.245	5.745.768,03	10.116	11
166	05/12/2024	57.714.028.725	5.745.833,23	10.045	(71)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
167	06/12/2024	59.185.793.539	5.745.896,00	10.301	256
168	09/12/2024	59.208.909.867	5.745.961,99	10.304	3
169	10/12/2024	59.211.148.420	5.745.281,09	10.306	2
170	11/12/2024	59.228.275.137	5.745.201,99	10.309	3
171	12/12/2024	58.944.195.255	5.746.709,03	10.257	(52)
172	13/12/2024	58.912.171.525	5.746.882,55	10.251	(6)
173	16/12/2024	58.811.950.965	5.746.909,83	10.234	(17)
174	17/12/2024	58.807.276.466	5.746.938,13	10.233	(1)
175	18/12/2024	58.668.528.754	5.746.990,83	10.209	(24)
176	19/12/2024	58.852.336.608	5.747.029,96	10.240	31
177	20/12/2024	58.295.331.772	5.747.051,36	10.144	(96)
178	23/12/2024	58.408.922.121	5.747.089,76	10.163	19
179	24/12/2024	58.602.226.832	5.747.014,20	10.197	34
180	25/12/2024	58.586.061.528	5.746.939,55	10.194	(3)
181	26/12/2024	59.383.646.472	5.746.870,38	10.333	139
182	27/12/2024	59.415.016.525	5.746.902,75	10.339	6
183	30/12/2024	59.558.395.185	5.746.913,26	10.364	25
184	31/12/2024	59.390.115.139	5.746.930,04	10.334	(30)
185	01/01/2025	59.227.048.786	5.746.968,68	10.306	(28)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

55.077.949.799

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm
- Mức cao nhất trong năm

442

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
				ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
1	01/01/2025	59.222.363.671	5.746.968,68	10.304,97	-
2	02/01/2025	59.295.101.344	5.746.965,49	10.317,64	12,67
3	05/01/2025	58.317.143.346	5.747.305,14	10.146,87	(170,77)
4	06/01/2025	57.704.698.937	5.747.315,04	10.040,29	(106,58)
5	07/01/2025	57.716.769.895	5.747.385,38	10.042,27	1,98
6	08/01/2025	57.899.060.823	5.747.414,20	10.073,93	31,66
7	09/01/2025	57.656.135.276	5.747.488,62	10.031,54	(42,39)
8	12/01/2025	56.956.122.868	5.747.574,78	9.909,59	(121,95)
9	13/01/2025	57.230.273.907	5.745.620,62	9.960,68	51,09
10	14/01/2025	56.938.419.978	5.745.772,13	9.909,62	(51,06)
11	15/01/2025	57.119.786.074	5.745.990,45	9.940,81	31,19
12	16/01/2025	57.417.095.031	5.747.064,82	9.990,68	49,87
13	19/01/2025	57.869.870.117	5.746.921,90	10.069,72	79,04
14	20/01/2025	58.089.855.146	5.747.051,98	10.107,77	38,05
15	21/01/2025	57.875.900.844	5.747.156,82	10.070,35	(37,42)
16	22/01/2025	57.516.449.225	5.747.165,69	10.007,79	(62,56)
17	23/01/2025	58.299.898.792	5.746.614,61	10.145,09	137,30
18	30/01/2025	58.609.067.474	5.746.584,74	10.198,94	53,85
19	31/01/2025	58.603.925.236	5.746.584,74	10.198,04	(0,90)
20	02/02/2025	58.594.155.632	5.746.584,74	10.196,34	(1,70)
21	03/02/2025	58.016.149.618	5.746.606,30	10.095,72	(100,62)
22	04/02/2025	58.632.509.599	5.746.926,83	10.202,41	106,69
23	05/02/2025	58.825.346.919	5.746.938,59	10.235,94	33,53
24	06/02/2025	59.006.824.810	5.746.965,90	10.267,47	31,53
25	09/02/2025	59.171.404.513	5.746.953,08	10.296,13	28,66
26	10/02/2025	58.777.763.958	5.745.075,67	10.230,98	(65,15)
27	11/02/2025	59.064.182.092	5.746.703,10	10.277,92	46,94
28	12/02/2025	59.006.694.462	5.746.776,57	10.267,79	(10,13)
29	13/02/2025	59.346.259.003	5.746.992,74	10.326,49	58,70
30	16/02/2025	59.546.140.853	5.747.081,79	10.361,11	34,62
31	17/02/2025	59.110.107.488	5.747.128,46	10.285,16	(75,95)
32	18/02/2025	59.395.004.336	5.747.141,27	10.334,70	49,54
33	19/02/2025	60.184.935.310	5.747.203,13	10.472,04	137,34
34	20/02/2025	60.373.914.713	5.747.118,38	10.505,08	33,04
35	23/02/2025	60.661.530.332	5.747.176,40	10.555,01	49,93
36	24/02/2025	61.112.358.406	5.747.307,38	10.633,22	78,21
37	25/02/2025	61.078.089.710	5.747.110,14	10.627,62	(5,60)
38	26/02/2025	60.947.467.987	5.747.260,29	10.604,61	(23,01)
39	27/02/2025	61.046.341.058	5.747.131,87	10.622,05	17,44
40	28/02/2025	60.794.624.118	5.747.193,98	10.578,14	(43,91)
41	02/03/2025	60.785.125.131	5.747.193,98	10.576,49	(1,65)
42	03/03/2025	60.863.202.973	5.747.195,58	10.590,07	13,58
43	04/03/2025	60.822.025.678	5.704.901,39	10.661,36	71,29

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	VND	VND	
43	05/03/2025	60.499.646.233	5.704.943,61	10.604,78		(56,58)
44	06/03/2025	61.171.863.178	5.704.991,10	10.722,52		117,74
45	09/03/2025	61.304.952.960	5.705.026,52	10.745,78		23,26
46	10/03/2025	61.472.679.335	5.705.093,29	10.775,05		29,27
47	11/03/2025	61.526.615.290	5.705.644,46	10.783,46		8,41
48	12/03/2025	61.236.783.387	5.706.635,94	10.730,80		(52,66)
49	13/03/2025	60.749.976.006	5.706.978,55	10.644,86		(85,94)
50	16/03/2025	60.450.594.042	5.707.062,63	10.592,24		(52,62)
51	17/03/2025	60.714.480.958	5.707.195,80	10.638,23		45,99
52	18/03/2025	60.542.359.949	5.707.426,41	10.607,65		(30,58)
53	19/03/2025	60.296.993.871	5.707.397,92	10.564,71		(42,94)
54	20/03/2025	60.334.103.954	5.707.479,46	10.571,06		6,35
55	23/03/2025	60.202.143.526	5.707.517,35	10.547,87		(23,19)
56	24/03/2025	60.357.771.614	5.709.724,45	10.571,05		23,18
57	25/03/2025	60.388.868.503	5.708.850,83	10.578,11		7,06
58	26/03/2025	60.176.909.559	5.708.872,08	10.540,95		(37,16)
59	27/03/2025	59.924.116.883	5.704.150,72	10.505,35		(35,60)
60	30/03/2025	59.252.254.955	5.705.113,07	10.385,82		(119,53)
61	31/03/2025	58.927.187.144	5.705.151,56	10.328,77		(57,05)
62	01/04/2025	59.384.256.337	5.705.331,30	10.408,56		79,79
63	02/04/2025	59.272.942.234	5.705.611,90	10.388,53		(20,03)
64	03/04/2025	55.165.434.439	5.705.715,26	9.668,45		(720,08)
65	07/04/2025	53.792.466.930	5.702.232,53	9.433,58		(234,87)
66	08/04/2025	50.445.470.715	5.702.279,74	8.846,54		(587,04)
67	09/04/2025	48.756.792.977	5.701.562,53	8.551,48		(295,06)
68	10/04/2025	52.108.964.296	5.703.197,26	9.136,80		585,32
69	13/04/2025	54.639.823.826	5.705.996,47	9.575,86		439,06
70	14/04/2025	55.371.697.127	5.706.153,07	9.703,86		128,00
71	15/04/2025	54.680.098.660	5.707.194,69	9.580,91		(122,95)
72	16/04/2025	54.035.684.795	5.707.444,08	9.467,58		(113,33)
73	17/04/2025	54.347.701.107	5.707.571,87	9.522,04		54,46
74	20/04/2025	54.449.926.664	5.707.553,86	9.539,98		17,94
75	21/04/2025	54.037.292.823	5.707.698,49	9.467,44		(72,54)
76	22/04/2025	53.677.844.436	5.708.148,55	9.403,72		(63,72)
77	23/04/2025	54.397.269.075	5.708.101,42	9.529,84		126,12
78	24/04/2025	54.877.058.738	5.708.144,42	9.613,82		83,98
79	27/04/2025	55.213.108.938	5.708.156,90	9.672,67		58,85
80	28/04/2025	55.114.450.399	5.708.167,65	9.655,37		(17,30)
81	30/04/2025	54.984.646.101	5.708.287,77	9.632,42		(22,95)
82	01/05/2025	54.981.066.800	5.708.287,77	9.631,80		(0,62)
83	04/05/2025	54.970.329.367	5.708.287,77	9.629,92		(1,88)
84	05/05/2025	55.287.197.685	5.708.384,31	9.685,26		55,34
85	06/05/2025	55.380.579.151	5.708.575,25	9.701,30		16,04
86	07/05/2025	55.384.368.274	5.709.247,30	9.700,82		(0,48)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND	
87	08/05/2025	56.225.199.462	5.709.283,28	9.848,03		147,21
88	11/05/2025	56.203.762.197	5.709.839,13	9.843,32		(4,71)
89	12/05/2025	56.806.937.666	5.709.951,87	9.948,76		105,44
90	13/05/2025	53.309.585.600	5.332.493,87	9.997,12		48,36
91	14/05/2025	53.326.774.635	5.332.363,86	10.000,59		3,47
92	15/05/2025	53.331.873.112	5.332.499,81	10.001,29		0,70
93	18/05/2025	53.302.951.239	5.332.510,77	9.995,85		(5,44)
94	19/05/2025	53.295.036.254	5.332.495,25	9.994,39		(1,46)
95	20/05/2025	53.303.055.740	5.332.448,20	9.995,98		1,59
96	21/05/2025	53.298.565.505	5.332.368,31	9.995,29		(0,69)
97	22/05/2025	53.283.476.771	5.332.253,47	9.992,68		(2,61)
98	25/05/2025	53.271.226.141	5.332.254,47	9.990,38		(2,30)
99	26/05/2025	53.271.230.603	5.332.256,47	9.990,37		(0,01)
100	27/05/2025	53.271.522.553	5.332.358,56	9.990,24		(0,13)
101	28/05/2025	53.265.799.752	5.332.309,01	9.989,26		(0,98)
102	29/05/2025	53.256.646.049	5.332.195,01	9.987,75		(1,51)
103	31/05/2025	53.238.361.374	5.332.355,14	9.984,02		(3,73)
104	01/06/2025	53.233.852.263	5.332.355,14	9.983,18		(0,84)
105	02/06/2025	53.359.096.425	5.345.227,61	9.982,57		(0,61)
106	03/06/2025	53.365.548.437	5.345.338,18	9.983,57		1,00
107	04/06/2025	53.357.481.745	5.345.469,37	9.981,81		(1,76)
108	05/06/2025	53.347.982.943	5.345.478,38	9.980,02		(1,79)
109	08/06/2025	53.325.014.202	5.345.460,41	9.975,76		(4,26)
110	09/06/2025	53.316.984.174	5.345.562,65	9.974,06		(1,70)
111	10/06/2025	53.350.423.943	5.346.134,50	9.979,25		5,19
112	11/06/2025	53.346.370.208	5.346.210,64	9.978,35		(0,90)
113	12/06/2025	53.407.528.959	5.351.537,16	9.979,85		1,50
114	15/06/2025	53.456.583.316	5.356.623,39	9.979,53		(0,32)
115	16/06/2025	53.855.857.835	5.395.695,53	9.981,26		1,73
116	17/06/2025	53.824.118.400	5.392.656,72	9.981,00		(0,26)
117	18/06/2025	53.817.313.400	5.392.601,88	9.979,84		(1,16)
118	19/06/2025	53.822.770.086	5.392.655,98	9.980,75		0,91
119	22/06/2025	53.811.480.034	5.391.738,89	9.980,36		(0,39)
120	23/06/2025	53.803.530.471	5.391.784,76	9.978,80		(1,56)
121	24/06/2025	53.795.390.534	5.391.156,38	9.978,45		(0,35)
122	25/06/2025	53.798.311.386	5.391.170,40	9.978,97		0,52
123	26/06/2025	53.793.914.032	5.390.992,24	9.978,48		(0,49)
124	29/06/2025	53.788.931.158	5.390.843,67	9.977,83		(0,65)
125	30/06/2025	52.794.397.200	5.290.859,69	9.978,42		0,59
126	01/07/2025	52.802.635.367	5.290.868,79	9.979,96		1,54
127	02/07/2025	52.785.632.081	5.289.175,27	9.979,94		(0,02)
128	03/07/2025	52.753.279.591	5.286.046,32	9.979,72		(0,22)
129	06/07/2025	52.757.398.022	5.286.054,79	9.980,49		0,77
130	07/07/2025	52.773.938.865	5.285.963,84	9.983,79		3,30

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày tính	Giá trị tài sản ròng	Số lượng	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
	NAV		chứng chỉ quỹ	ngày tính NAV	NAV/CCQ
		VND.	CCQ	VND	VND
131	08/07/2025	52.778.256.167	5.286.181,07	9.984,19	0,40
132	09/07/2025	52.796.267.965	5.286.202,52	9.987,56	3,37
133	10/07/2025	52.804.211.747	5.287.225,93	9.987,13	(0,43)
134	13/07/2025	52.807.334.733	5.287.439,72	9.987,32	0,19
135	14/07/2025	52.792.360.808	5.285.868,42	9.987,45	0,13
136	15/07/2025	52.793.695.145	5.287.175,32	9.985,24	(2,21)
137	16/07/2025	52.793.857.416	5.286.093,06	9.987,31	2,07
138	17/07/2025	52.785.966.393	5.285.080,74	9.987,73	0,42
139	20/07/2025	52.758.262.460	5.284.626,54	9.983,35	(4,38)
140	21/07/2025	52.754.475.238	5.284.728,39	9.982,44	(0,91)
141	22/07/2025	53.037.112.347	5.283.491,40	10.038,27	55,83
142	23/07/2025	52.993.271.202	5.281.401,75	10.033,94	(4,33)
143	24/07/2025	52.991.494.518	5.280.210,23	10.035,87	1,93
144	27/07/2025	53.005.910.020	5.280.170,01	10.038,67	2,80
145	28/07/2025	53.019.590.209	5.280.149,77	10.041,30	2,63
146	29/07/2025	52.971.152.709	5.280.317,96	10.031,81	(9,49)
147	30/07/2025	53.026.800.860	5.283.417,57	10.036,46	4,65
148	31/07/2025	52.990.396.061	5.280.340,08	10.035,41	(1,05)
149	03/08/2025	52.986.732.985	5.280.296,83	10.034,80	(0,61)
150	04/08/2025	53.016.287.245	5.280.279,20	10.040,43	5,63
151	05/08/2025	53.041.817.326	5.279.697,72	10.046,37	5,94
152	06/08/2025	53.072.103.414	5.279.669,83	10.052,16	5,79
153	07/08/2025	53.082.006.667	5.279.719,56	10.053,94	1,78
154	10/08/2025	53.088.711.587	5.280.297,37	10.054,11	0,17
155	11/08/2025	53.093.621.576	5.280.365,90	10.054,91	0,80
156	12/08/2025	53.110.658.275	5.280.386,81	10.058,10	3,19
157	13/08/2025	53.147.772.908	5.282.246,95	10.061,58	3,48
158	14/08/2025	53.178.107.096	5.280.283,30	10.071,07	9,49
159	17/08/2025	53.149.276.436	5.277.781,60	10.070,38	(0,69)
160	18/08/2025	53.157.867.725	5.278.377,31	10.070,87	0,49
161	19/08/2025	53.170.387.794	5.277.175,16	10.075,54	4,67
162	20/08/2025	53.178.590.613	5.277.695,60	10.076,10	0,56
163	21/08/2025	53.219.040.266	5.277.773,69	10.083,62	7,52
164	24/08/2025	53.201.566.648	5.277.823,27	10.080,21	(3,41)
165	25/08/2025	53.159.805.751	5.277.844,87	10.072,26	(7,95)
166	26/08/2025	53.208.193.687	5.277.937,19	10.081,25	8,99
167	27/08/2025	53.228.181.514	5.277.026,33	10.086,78	5,53
168	28/08/2025	53.333.753.066	5.276.996,44	10.106,84	20,06
169	31/08/2025	53.374.259.184	5.276.129,47	10.116,18	9,34
170	02/09/2025	53.379.840.574	5.276.129,47	10.117,23	1,05
171	03/09/2025	53.412.280.930	5.276.129,47	10.123,38	6,15
172	04/09/2025	53.418.411.418	5.275.349,01	10.126,04	2,66
173	07/09/2025	53.350.067.234	5.275.681,72	10.112,45	(13,59)
174	08/09/2025	53.335.848.014	5.276.003,63	10.109,14	(3,31)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
 và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
175	09/09/2025	53.335.638.339	5.275.902,65	10.109,29	0,15
176	10/09/2025	53.318.732.433	5.272.280,30	10.113,03	3,74
177	11/09/2025	53.404.241.934	5.272.323,84	10.129,17	16,14
178	14/09/2025	53.413.308.311	5.272.324,82	10.130,88	1,71
179	15/09/2025	53.429.074.116	5.272.324,82	10.133,87	2,99
180	16/09/2025	53.440.531.284	5.272.232,21	10.136,22	2,35
181	17/09/2025	53.415.969.506	5.271.732,46	10.132,53	(3,69)
182	18/09/2025	53.406.844.042	5.271.749,21	10.130,76	(1,77)
183	21/09/2025	53.394.888.253	5.271.692,74	10.128,60	(2,16)
184	22/09/2025	52.873.568.397	5.221.618,98	10.125,90	(2,70)
185	23/09/2025	52.889.777.345	5.221.455,37	10.129,32	3,42
186	24/09/2025	52.908.238.655	5.221.151,06	10.133,44	4,12
187	25/09/2025	52.895.993.796	5.221.133,13	10.131,13	(2,31)
188	28/09/2025	52.895.936.595	5.221.129,13	10.131,13	-
189	29/09/2025	52.898.081.161	5.221.139,00	10.131,52	0,39
190	30/09/2025	52.892.761.205	5.220.994,79	10.130,78	(0,74)
191	01/10/2025	52.892.414.648	5.221.083,47	10.130,54	(0,24)
192	02/10/2025	52.872.067.788	5.220.896,47	10.127,01	(3,53)
193	05/10/2025	52.870.467.227	5.219.818,38	10.128,79	1,78
194	06/10/2025	52.888.446.030	5.219.823,31	10.132,23	3,44
195	07/10/2025	52.889.006.756	5.219.541,29	10.132,88	0,65
196	08/10/2025	52.876.670.758	5.219.544,24	10.130,51	(2,37)
197	09/10/2025	52.886.301.672	5.219.365,07	10.132,71	2,20
198	12/10/2025	72.871.740.804	7.193.101,70	10.130,78	(1,93)
199	13/10/2025	72.886.592.702	7.192.616,36	10.133,53	2,75
200	14/10/2025	72.980.616.049	7.203.481,63	10.131,30	(2,23)
201	15/10/2025	72.999.486.053	7.203.467,54	10.133,94	2,64
202	16/10/2025	73.036.729.630	7.203.540,55	10.139,00	5,06
203	19/10/2025	73.111.921.435	7.203.276,64	10.149,81	10,81
204	20/10/2025	73.206.854.032	7.203.107,66	10.163,23	13,42
205	21/10/2025	103.237.598.212	10.150.082,18	10.171,11	7,88
206	22/10/2025	103.275.302.881	10.149.945,07	10.174,96	3,85
207	23/10/2025	103.452.912.535	10.149.510,86	10.192,90	17,94
208	26/10/2025	103.396.919.089	10.149.332,53	10.187,56	(5,34)
209	27/10/2025	103.362.033.206	10.149.333,51	10.184,12	(3,44)
210	28/10/2025	103.321.979.198	10.149.398,24	10.180,11	(4,01)
211	29/10/2025	103.351.862.534	10.149.124,09	10.183,33	3,22
212	30/10/2025	103.478.086.606	10.149.025,07	10.195,86	12,53
213	31/10/2025	103.475.867.416	10.148.918,01	10.195,75	(0,11)
214	02/11/2025	103.500.200.077	10.148.918,01	10.198,15	2,40
215	03/11/2025	103.533.831.897	10.148.918,99	10.201,46	3,31
216	04/11/2025	103.437.136.462	10.149.070,89	10.191,78	(9,68)
217	05/11/2025	103.445.652.740	10.149.080,89	10.192,61	0,83
218	06/11/2025	103.679.974.388	10.148.492,26	10.216,29	23,68

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

STT	Ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
219	09/11/2025	103.651.072.057	10.148.503,01	10.213,43	(2,86)
220	10/11/2025	103.713.407.455	10.148.690,16	10.219,39	5,96
221	11/11/2025	103.788.343.127	10.148.690,16	10.226,77	7,38
222	12/11/2025	103.758.569.877	10.148.710,67	10.223,82	(2,95)
223	13/11/2025	103.769.115.237	10.148.696,81	10.224,87	1,05
224	16/11/2025	103.889.608.667	10.148.701,44	10.236,74	11,87
225	17/11/2025	103.903.879.485	10.148.682,11	10.238,16	1,42
226	18/11/2025	103.806.046.207	10.137.712,83	10.239,59	1,43
227	19/11/2025	103.796.556.152	10.137.397,71	10.238,97	(0,62)
228	20/11/2025	103.811.107.620	10.137.405,50	10.240,40	1,43
229	23/11/2025	103.785.240.832	10.137.292,66	10.237,96	(2,44)
230	24/11/2025	103.739.480.433	10.137.299,48	10.233,44	(4,52)
231	25/11/2025	103.680.532.039	10.136.740,56	10.228,19	(5,25)
232	26/11/2025	103.702.119.700	10.136.710,83	10.230,35	2,16
233	27/11/2025	103.881.727.435	10.136.733,29	10.248,05	17,70
234	30/11/2025	103.870.752.216	10.136.734,26	10.246,96	(1,09)
235	01/12/2025	104.044.049.990	10.136.737,30	10.264,06	17,10
236	02/12/2025	104.117.862.640	10.136.730,35	10.271,35	7,29
237	03/12/2025	104.080.584.867	10.136.731,32	10.267,67	(3,68)
238	04/12/2025	104.136.820.679	10.136.731,17	10.273,22	5,55
239	07/12/2025	104.048.027.281	10.136.684,11	10.264,50	(8,72)
240	08/12/2025	104.095.773.972	10.136.686,05	10.269,21	4,71
241	09/12/2025	104.030.891.452	10.136.826,42	10.262,67	(6,54)
242	10/12/2025	104.027.295.750	10.136.728,99	10.262,41	(0,26)
243	11/12/2025	104.006.621.329	10.136.666,90	10.260,44	(1,97)
244	14/12/2025	103.918.926.560	10.136.669,81	10.251,78	(8,66)
245	15/12/2025	103.955.338.264	10.136.662,94	10.255,38	3,60
246	16/12/2025	103.995.370.561	10.136.566,97	10.259,43	4,05
247	17/12/2025	104.073.414.934	10.136.569,88	10.267,12	7,69
248	18/12/2025	104.074.751.964	10.136.571,82	10.267,25	0,13
249	21/12/2025	104.045.555.480	10.136.574,92	10.264,37	(2,88)
250	22/12/2025	104.004.189.066	10.136.576,11	10.260,29	(4,08)
251	23/12/2025	104.020.700.764	10.136.628,72	10.261,86	1,57
252	24/12/2025	104.068.401.239	10.136.610,54	10.266,59	4,73
253	25/12/2025	104.133.388.958	10.136.648,08	10.272,96	6,37
254	28/12/2025	104.090.231.078	10.136.684,09	10.268,67	(4,29)
255	29/12/2025	104.263.423.470	10.136.695,66	10.285,74	17,07
256	30/12/2025	104.360.208.244	10.136.678,78	10.295,31	9,57
257	31/12/2025	104.317.903.087	10.136.679,75	10.291,13	(4,18)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

65.483.541.775

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

- Mức cao nhất trong năm

720

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP**

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

22 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	31/12/2025	31/12/2024
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	10.136.679,75	5.746.968,68

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Ngân hàng giám sát (đến ngày 15/05/2024)
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	1.371.395.367	995.623.962
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	888.086.332	636.640.291
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	44.094.290
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	483.309.035	314.889.381
Phí ngân hàng	13.363.674	4.392.300
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	1.347.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	10.332.319	3.044.800
Phí môi giới	3.031.355	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	3.031.355	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
 và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	23.468.796	3.917.458
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	23.468.796	3.917.458
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	287.835.473	221.062.203
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	287.835.473	221.062.203
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	37.159.467	37.495.632
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	37.159.467	37.495.632
Phải trả về phí mua lại chứng chỉ quỹ	1.510.570	639.110
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB	1.510.570	639.110
Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	13.280.481.591	116.052.992
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	13.280.481.591	116.052.992
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.015.000	924.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.015.000	924.000
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 25/03/2024 đến 31/12/2024
	VND	VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	108.000.000	130.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU LP

Tầng 2, Tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

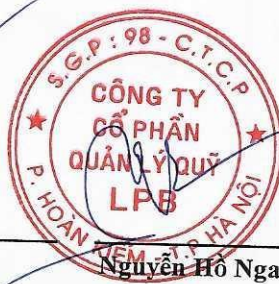
Số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh trong ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Thị Phương Lan
Người lập



Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồ Nga

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

